**Mẫu số B06g - QM**

**(Ban hành theo TT số 198 /2012 /TT-BTC ngày 15 /11/ 2012 của Bộ Tài chính)**

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM**

**NGÂN HÀNG GIÁM SÁT: NGÂN HÀNG TNHH MTV STANDARD CHARTERED (VIỆT NAM)**

**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DC (“DCBF”)**

**BÁO CÁO THUYẾT MINH TÀI CHÍNH**

**Quý I năm 2022**

**I. Đặc điểm hoạt động của Quỹ Đầu tư**

* 1. **Giấy chứng nhận chào bán:**

Quỹ Đầu tư Trái phiếu DC (tiền thân là "Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Việt Nam") được cấp giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng số 04/GCN - UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán nhà nước cấp ngày 27/02/2013.

**1.2 Giấy chứng nhận thành lập Quỹ mở**

Quỹ Đầu tư Trái phiếu DC (“DCBF”) được cấp giấy đăng ký lập quỹ đại chúng số 04/GCN - UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán nhà nước cấp ngày 10/06/2013 và Quyết định số 398/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07/05/2015 về việc sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ đại chúng. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ đổi tên thành Quỹ Đầu tư Trái phiếu DC (“DCBF”) theo Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư thường niên ngày 26 tháng 04 năm 2021 và Giấy chứng nhận về việc điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng số 16/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 24 tháng 05 năm 2021.

**1.3 Địa chỉ liên hệ của Quỹ**

Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngô Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

**1.4 Điều lệ hoạt động Quỹ Đầu tư Trái phiếu DC (“DCBF”)**: ban hành tháng 03 năm 2013, được sửa đổi bổ sung gần nhất vào ngày 26/04/2021.

**1.5 Những đặc điểm chính về hoạt động Quỹ mở**

**- Quy mô vốn Quỹ mở**

Vốn điều lệ của Quỹ là 99.574.822.600 đồng, tương đương với số lượng 9.957.482,26 chứng chỉ quỹ. Vốn điều lệ quỹ do các nhà đầu tư đóng góp bằng đồng Việt Nam. Mệnh giá của một đơn vị quỹ DCBF là 10.000 đồng Việt Nam.

**- Mục tiêu đầu tư của Quỹ**

Mục tiêu chính của Quỹ DCBF là tìm kiếm lợi nhuận từ việc đầu tư vào các loại chứng khoán nợ (bao gồm, nhưng không giới hạn, tín phiếu, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, Trái phiếu chính quyền địa phương, Trái phiếu của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam…), giấy tờ có giá và các công cụ có thu nhập cố định.

DCVFM thực hiện việc đầu tư của Quỹ bằng các hình thức đầu tư mà pháp luật hiện hành cho phép. Ngoài ra, mục tiêu đầu tư của Quỹ có thể được thay đổi hoàn toàn theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và báo cáo với Ủy ban chứng khoán nhà nước.

**- Kỳ tính giá trị tài sản ròng (NAV)**

+ Kỳ định giá hàng tuần: NAV được định giá hàng tuần vào ngày thứ Sáu. Trong trường hợp ngày định giá của kỳ định giá hàng tuần rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó.

+ Kỳ định giá hàng tháng: NAV được định giá hàng tháng vào ngày đầu tiên của tháng tiếp theo và không thay đổi kể cả trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ.

**- Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ mở:**

Quỹ Đầu tư Trái phiếu DC (“DCBF”) thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ hàng tuần vào ngày thứ Sáu, là ngày làm việc. Nếu ngày giao dịch rơi vào ngày nghỉ Lễ thì việc giao dịch sẽ được thực hiện vào ngày giao dịch kế tiếp của Quỹ. Trong trường hợp ngày giao dịch kế tiếp này cũng rơi vào ngày nghỉ Lễ, thì việc giao dịch sẽ được thực hiện vào ngày làm việc liền sau ngày giao dịch đầu tiên bị rơi vào ngày nghỉ Lễ. Công ty quản lý Quỹ sẽ thông báo đến nhà đầu tư, Đại lý phân phối và các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về lịch giao dịch và thời điểm đóng sổ lệnh một cách cụ thể khi có các ngày nghỉ Lễ xảy ra trên trang thông tin điện tử của công ty hoặc bằng thư điện tử.

Tần suất giao dịch chứng chỉ Quỹ DCBF sẽ chuyển sang hàng ngày vào các ngày làm việc trong tuần, ngoại trừ ngày làm việc bù rơi vào ngày thứ 7 và/hoặc Chủ Nhật. Thời điểm áp dụng cụ thể cho việc tăng tần suất giao dịch chứng chỉ Quỹ DCBF này sẽ được Công ty quản lý quỹ thông báo đến nhà đầu tư, Đại lý phân phối và các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về lịch giao dịch và thời điểm đóng sổ lệnh một cách cụ thể trên trang thông tin điện tử của công ty hoặc bằng thư điện tử.

Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại hội nhà đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.

**- Hạn chế đầu tư của Quỹ mở**

Danh mục đầu tư của quỹ DCBF phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ tại Điều 11, Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch.

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

**2.1 Kỳ kế toán**

Năm tài chính của quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Quỹ thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng Đồng Việt Nam (VND).

**III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Chế độ Kế toán Quỹ mở ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài Chính và theo các chuẩn mực kế toán, hệ thống kế toán Việt Nam.

**3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Các báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Quỹ mở quy định theo thông tư số 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở (“Thông tư 198/2012/TT-BTC”), Thông tư 181/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ ETF và Quỹ mở, Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (“Thông tư 98/2020/TT-BTC”), các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Quỹ Đầu tư Trái phiếu DC (“DCBF”) áp dụng hệ thống sổ kế toán là hệ thống Nhật Ký Chung.

**IV. Các chính sách kế toán áp dụng**

**4.1 Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn không quá ba (03) tháng tại ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

**4.2 Nguyên tắc ghi nhận và phân loại các khoản đầu tư**

* 1. ***Nguyên tắc phân loại***

Quỹ phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

* 1. ***Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận***

Việc mua và bán các khoản đầu tư được ghi nhận theo ngày thực hiện giao dịch - là tại ngày Quỹ ký kết hợp đồng mua hoặc bán khoản đầu tư đó. Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các khoản đầu tư đã hết hạn hoặc về bản chất Quỹ đã chuyển giao toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

* 1. ***Ghi nhận ban đầu***

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được đánh giá lại tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở. Mức giá để đánh giá lại được xác định theo pháp luật chứng khoán hiện hành và Điều lệ Quỹ.

Cổ phiếu thưởng và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0) và được đánh giá lại theo giá trị của các cổ phiếu đó vào ngày lập báo cáo tình hình tài chính.

* 1. ***Đánh giá lại***

Tổng giá trị tài sản của quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường hoặc giá thị trường có nhiều biến động bất thường theo quy định tại Sổ tay Định giá và đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản):

Cụ thể xin xem chi tiết tại Điều lệ Quỹ, Sổ tay định giá và các văn bản có liên quan khác.

* 1. ***Lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư***

Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài Chính về Chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở.

**4.3 Các hợp đồng bán và mua lại**

Những chứng khoán được bán và chuyển giao quyền sở hữu cho một bên khác đồng thời được cam kết sẽ mua lại và nhận lại quyền sở hữu vào một thời điểm nhất định trong tương lai với một mức giá xác định vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản công nợ trên báo cáo tình hình tài chính. Phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được xem như là chi phí lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo thu nhập trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng. Quyền hưởng lãi và các thu nhập liên quan (nếu có) từ các chứng khoán này thuộc về bên bán.

**4.4 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ bán các khoản đầu tư, cổ tức, tiền lãi từ các khoản đầu tư và các khoản phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập trong kỳ. Trong đó, dự phòng liên quan đến phải thu bán chứng khoán được ghi nhận làm tăng chi phí trong kỳ, dự phòng liên quan đến cổ tức, trái tức và lãi tiền gửi được ghi nhận làm giảm thu nhập trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 như sau:

|  |  |
| --- | --- |
| *Thời gian quá hạn* | *Mức trích dự phòng* |
| Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm | 30% |
| Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm | 50% |
| Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm | 70% |
| Từ ba (03) năm trở lên | 100% |

**4.5 Các khoản phải trả** **và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá của các khoản phải trả cho hoạt động mua lại chứng chỉ Quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và các khoản phải trả khác.

**4.6 Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn**

**Vốn chủ sở hữu:** Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại

**Vốn góp phát hành:** Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quỹ do các nhà đầu tư góp vốn vào Quỹ theo phương thức mua Chứng chỉ Quỹ trong lần phát hành lần đầu ra công chúng và các lần giao dịch Chứng chỉ Quỹ sau khi Quỹ thành lập hoặc theo phương thức chuyển đổi chứng chỉ quỹ của các quỹ mở khác thuộc sự quản lý của Công ty quản lý quỹ với chứng chỉ của Quỹ. Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá.

**Vốn góp mua lại:** Vốn góp mua lại phản ánh tình hình mua lại Chứng chỉ Quỹ của các Nhà đầu tư tại các kỳ giao dịch Chứng chỉ Quỹ sau khi Quỹ thành lập hoặc theo phương thức chuyển đổi chứng chỉ Quỹ với chứng chỉ quỹ của các quỹ mở khác thuộc sự quản lý của Công ty quản lý. Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá.

**Thặng dư vốn góp của nhà đầu tư:** Thặng dư vốn thể hiện chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ và mệnh giá đối với các Chứng chỉ Quỹ được phát hành/mua lại.

**Lợi nhuận chưa phân phối:** Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm.

Lợi nhuận chưa thực hiện là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm.

Cuối niên độ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào “Lợi nhuận chưa phân phối”

**Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho nhà đầu tư:** Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong năm cho nhà đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản lợi nhuận chưa phân phối vào cuối năm.

Quỹ ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ mở và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành

**4.7 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

**Tiền lãi (bao gồm lãi tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi và lãi trái phiếu)**: Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán**: Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch chứng khoán từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

**4.8 Các khoản chi phí**

Các khoản chi phí đầu tư của Quỹ được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản chi phí phát sinh từ việc bán các khoản đầu tư được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ.

**4.9 Thuế**

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không phải là đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

**Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư**: Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 (“Thông tư 78”) được sửa đổi bổ sung theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 (“Thông tư 111”) được sửa đổi bổ sung theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 (“Thông tư 92”) do Bộ Tài chính ban hành và Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 của Tổng Cục Thuế về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư. Theo đó, khi trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ cần giữ lại 20% lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật hiện hành). Khi trả cổ tức cho nhà đầu tư cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% lợi nhuận được phân phối.

**Giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ**: Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ khấu trừ, kê khai thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo Thông tư 111 được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư 92 và Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Mức thuế áp dụng là 0,1% giá trị chuyển nhượng. Công ty Quản lý Quỹ sẽ không khấu trừ thuế đối với các giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước. Các nhà đầu tư này phải chịu trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho Nhà nước theo Thông tư 78.

Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với phần thu nhập của nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập này.

**4.10 Các bên liên quan**

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các Quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và các cổ đông của Công ty Quản lý Quỹ được xem là các bên liên quan với Quỹ. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

**4.11 Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính**

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính theo định nghĩa trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính này.

**4.12 Số dư bằng không**

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về Chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

**5. Các sự kiện hoặc giao dịch trọng yếu trong kỳ kế toán**

**5.1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **31/03/2022** | **31/12/2021** |
|  | VND | VND |
| Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở tại ngân hàng giám sát | 15.034.882.740 | 5.301.390.073 |
| Tiền gửi cho hoạt động mua bán Chứng chỉ Quỹ | 6.358.608 | 265.727.325 |
| Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng | 10.000.000.000 | 19.500.000.000 |
| * *Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng* | *10.000.000.000* | *-* |
| * *Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam* * *Ngân hàng TMCP Á Châu* | *-*  *-* | *-*  *19.500.000.000* |
|  | **25.041.241.348** | **25.067.117.398** |
|  |  |  |

**5.2. Các khoản đầu tư thuần**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khoản đầu tư** | **Giá mua** | **Giá thị trường** | **Chênh lệch đánh giá** | | **Giá trị**  **đánh giá lại** |
| **Chênh lệch tăng** | **Chênh lệch giảm** |
|  | VND | VND | VND | VND | VND |
| Trái phiếu | 658.241.178.037 | 657.699.886.557 | 77.451 | 541.368.931 | 657.699.886.557 |
| Chứng chỉ tiền gửi ghi danh | 162.467.247.849 | 162.467.247.849 | - | - | 162.467.247.849 |
|  | **820.708.425.886** | **820.167.134.406** | **77.451** | **541.368.931** | **820.167.134.406** |

**5.3. Phải trả phí cho các Đại lý phân phối, Công ty quản lý quỹ về mua bán Chứng chỉ quỹ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **31/03/2022** |  | **31/12/2021** |
|  | VND |  | VND |
| Phải trả cho các Đại lý phân phối | - |  | - |
| Phải trả Công ty Quản lý quỹ | 366.581.391 |  | 587.635.416 |
|  | **366.581.391** |  | **587.635.416** |

**5.4.** **Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở**

**5.4.1.** **Giá dịch vụ quản lý quỹ**

Giá dịch vụ quản lý Quỹ được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên số ngày thực tế trong kỳ định giá và giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá. Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý Quỹ hàng năm là 1,2% trên giá trị tài sản ròng của Quỹ.

**5.4.2. Giá dịch vụ lưu ký, giám sát Quỹ và quản trị Quỹ**

| **Dịch vụ** | **Giá dịch vụ** |
| --- | --- |
| Giám sát | * Được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên số ngày thực tế trong kỳ định giá và giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá. Tỷ lệ giá dịch vụ giám sát Quỹ hàng năm là 0,04% trên giá trị tài sản ròng của Quỹ. Tối thiểu là 15.000.000 đồng mỗi tháng nếu tần suất giao dịch của Quỹ là một lần/tuần và tối thiểu là 17.000.000 đồng mỗi tháng nếu tần suất giao dịch của Quỹ là hàng ngày (Các khoản giá dịch vụ này chưa bao gồm VAT). |
| Lưu ký chứng khoán | * Được tính vào các kỳ định giá dựa trên số ngày thực tế trong kỳ định giá và giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá. Tỷ lệ giá dịch vụ lưu ký chứng khoán hàng năm là 0,04% trên giá trị tài sản ròng của Quỹ. Tối thiểu là 15.000.000 đồng mỗi tháng nếu tần suất giao dịch của Quỹ là một lần/tuần và tối thiểu là 18.000.000 đồng mỗi tháng nếu tần suất giao dịch của Quỹ là hàng ngày. |
| Quản trị Quỹ | * Được tính vào các kỳ định giá dựa trên số ngày thực tế trong kỳ định giá và giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá. Tỷ lệ giá dịch vụ quản trị Quỹ hàng năm là 0,03% trên giá trị tài sản ròng của Quỹ. Tối thiểu 10.000.000 đồng mỗi tháng nều tần suất giao dịch của Quỹ là một lần/tuần và tối thiểu là 15.000.000 đồng mỗi tháng nếu tần suất giao dịch của Quỹ là hàng ngày (Các khoản giá dịch vụ này chưa bao gồm VAT). |

**5.5. Tình hình biến động vốn chủ sở hữu**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | **Tại ngày 31/12/2021** | **Phát sinh trong kỳ** | **Tại ngày 31/03/2022** |
|  |  |  |  |  |
| **Vốn góp phát hành** |  | **3.615.169.893.188** | **161.631.746.773** | **3.776.801.639.961** |
| Số lượng CCQ | CCQ | 208.524.519,31 | 7.230.002,60 | 215.754.521,91 |
| Giá trị ghi theo mệnh giá | VND | 2.085.245.193.100 | 72.300.026.000,00 | 2.157.545.219.100 |
| Thặng dư vốn góp phát hành | VND | 1.529.924.700.088 | 89.331.720.773 | 1.619.256.420.861 |
| Tổng giá trị phát hành CCQ | VND | 3.615.169.893.188 | 161.631.746.773 | 3.776.801.639.961 |
| **Vốn góp mua lại** |  | **(3.064.740.536.860)** | **(154.633.893.260)** | **(3.219.374.430.120)** |
| Số lượng CCQ | CCQ | (171.357.809,92) | (6.881.390,48) | (178.239.200,40) |
| Giá trị ghi theo mệnh giá | VND | (1.713.578.099.200) | (68.813.904.800) | (1.782.392.004.000) |
| Thặng dư vốn góp mua lại | VND | (1.351.162.437.660) | (85.819.988.460) | (1.436.982.426.120) |
| Tổng giá trị mua lại CCQ | VND | (3.064.740.536.860) | (154.633.893.260) | (3.219.374.430.120) |
|  |  |  |  |  |
| **Số lượng CCQ hiện hành** | **CCQ** | **37.166.709,39** | **348.612,12** | **37.515.321,51** |
| **Giá trị vốn góp hiện hành** | **VND** | **550.429.356.328** | **6.997.853.513** | **557.427.209.841** |
| **Lợi nhuận để lại** | **VND** | **277.594.669.903** | **14.572.964.398** | **292.167.634.301** |
| **Giá trị tài sản ròng** | **VND** | **828.024.026.231** |  | **849.594.844.142** |
| **NAV hiện hành / 1CCQ** | **VND/CCQ** | **22.278,64** |  | **22.646,60** |

**5.7. Lợi nhuận chưa phân phối**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Tại ngày 31/12/2021** | **Phát sinh trong kỳ** | **Tại ngày 31/03/2022** |
|  | VND | VND | VND |
| Lợi nhuận chưa phân phối | 277.594.669.903 | 14.572.964.398 | 292.167.634.301 |
| **Tổng lợi nhuận chưa phân phối** | **277.594.669.903** | **14.572.964.398** | **292.167.634.301** |

**6. Sự kiện phát sinh sau ngày báo cáo tài chính**

Không có sự kiện phát sinh sau ngày lập báo cáo tài chính cần điều chỉnh hoặc trình bày trên báo cáo tài chính.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập:** | **Người duyệt:** | |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
| **Bà Vương Thị Trâm Anh** | **Ông Phạm Thanh Dũng** | **Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh** |
| Kế toán Quỹ | Kế toán Trưởng | Giám đốc điều hành Nghiệp vụ hỗ trợ đầu tư |